

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn của Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/07/2025 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Duy H; Sinh ngày: 16/09/1979.

CCCD số: 027079000124, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 31/12/2021.

Bà Nguyễn Thị T H; Sinh ngày: 18/08/1980.

CCCD số: 001180007018, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày: 31/12/2021.

Cùng nơi thường trú tại: Căn hộ 1003 Tòa Bắc, Chung cư E1, Khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 10 năm 2004 tại UBND Thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Y tỉnh Bắc Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số

53, quyển số 01. Là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H là chính đáng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H.

[2] Về con chung: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Minh A – sinh ngày 01/8/2005 và cháu Lê Duy Đ – sinh ngày 29/10/2007. Khi ly hôn, ông H và bà Hà đã thỏa thuận và thống nhất để bà Nguyễn Thị T H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Duy Đ đến khi trưởng thành. Cháu Lê Nguyễn Minh A đã trên 18 tuổi, ông H và bà Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng, ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H cùng xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn, ông Lê Duy H đồng ý.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Duy Đ – sinh ngày 29/10/2007 cho bà Nguyễn Thị T H là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế. Cháu Lê Nguyễn Minh A đã đủ tuổi trưởng thành, ông H và bà Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Về cấp dưỡng, ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Ông Lê Duy H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Ông Lê Duy H và bà Nguyễn Thị T H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002062 ngày 28/07/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Bà Nguyễn Thị T H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang